

DANH MỤC TIÊU CHUẨN NHÀ NƯỚC

(ban hành kèm theo quyết định số 70-KHKT/QĐ ngày 8-3-1975
của Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước)

Số hiệu tiêu chuẩn	Tên gọi tiêu chuẩn	Hình thức ban hành	Ngày có hiệu lực	Phạm vi áp dụng
TCVN 1604-75	Giấy than	Chính thức áp dụng	1-1-1976	Tất cả các ngành, các địa phương có liên quan
TCVN 1605-75	Dụng cụ đo dung tích bằng thủy tinh. Bình định mức. Hình dáng, kích thước cơ bản và yêu cầu kỹ thuật.	- nt -	- nt -	- nt -
TCVT 1606-75	Dụng cụ đo dung tích bằng thủy tinh. Pipet định mức kiểu đồ ra. Hình dáng kích thước cơ bản và yêu cầu kỹ thuật.	- nt -	- nt -	- nt -
TCVN 1607-75	Dụng cụ đo dung tích bằng thủy tinh. Pipet đong chia độ. Hình dáng, kích thước cơ bản và yêu cầu kỹ thuật.	- nt -	- nt -	- nt -
TCVN 1608-75	Dụng cụ đo dung tích bằng thủy tinh. Pipet đo chia độ. Hình dáng, kích thước cơ bản và yêu cầu kỹ thuật.	- nt -	- nt -	- nt -
TCVN 1609-75	Dụng cụ đo dung tích bằng thủy tinh. Buret. Hình dáng, kích thước cơ bản và yêu cầu kỹ thuật.	- nt -	- nt -	- nt -
TCVN 1610-75	Dụng cụ đo dung tích bằng thủy tinh. Ống đong chia độ. Hình dáng, kích thước cơ bản và yêu cầu kỹ thuật.	- nt -	- nt -	- nt -
TCVN 1611-75	Các thử nghiệm ảnh hưởng của yếu tố khí hậu. Thử nghiệm nóng ẩm không đổi.	- nt -	- nt -	- nt -
TCVN 1612-75	Các thử nghiệm ảnh hưởng của yếu tố khí hậu. Thử nghiệm nóng ẩm biến đổi chu kỳ.	- nt -	- nt -	- nt -

ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

QUYẾT ĐỊNH số 21-VGNN/TLSX ngày 20-2-1975 về giá bán điện ngoài lưới phục vụ sản xuất.

CHỦ NHIỆM ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

Căn cứ vào nghị định số 14-CP ngày 13-1-1975 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ủy ban Vật giá Nhà nước; Sau khi đã thỏa thuận với Bộ Tài chính, Bộ Điện và Than,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. - Nay quy định giá bán 1 kilôoát giờ điện ngoài lưới của các xí nghiệp điện thuộc

Bộ Điện và Than và các tỉnh, thành phố quản lý, dùng vào sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng cơ bản, thăm dò địa chất, giao thông vận tải, thủy lợi, chăn nuôi, nghề cá, nghề muối là:

- Điện cao thế: 0,10đ/1kWh
- Điện hạ thế: 0,12đ/1kWh

Điều 2. - Giá bán điện ngoài lưới quy định ở điều 1 áp dụng đối với:

- a) Các xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh trung ương và địa phương;
- b) Các hợp tác xã thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp làm gia công, hoặc mua nguyên liệu bán sản phẩm cho Nhà nước theo hợp đồng ký kết với Nhà nước;
- c) Các hợp tác xã nông nghiệp, nghề cá, nghề muối, chăn nuôi dùng điện để sản xuất, chăn

09667679

nuôi, làm muối, chế biến nông sản, hải sản bán cho Nhà nước theo hợp đồng ký kết với Nhà nước.

Đối với các hợp tác xã, giá quy định trên đây chỉ áp dụng đối với số lượng điện được phân phối theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước hàng năm và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền duyệt.

Điều 3. — Giá điện ngoài lưới bán cho hợp tác xã thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp không làm gia công hoặc mua nguyên liệu bán sản phẩm cho Nhà nước theo hợp đồng với Nhà nước, thì áp dụng như giá điện ngoài lưới bán cho nhu cầu sinh hoạt.

Điều 4. — Điện ngoài lưới bán cho nhu cầu sinh hoạt vẫn áp dụng theo giá điện ngoài lưới phục vụ sinh hoạt thi hành từ trước đến nay.

Điều 5. — Đối với điện độc lập của xí nghiệp, cơ quan, nông trường, lâm trường, hợp tác xã... đã trang bị để phục vụ sản xuất của mình không áp dụng giá quy định ở điều 1 trên đây.

Điều 6. — Quyết định này thi hành kể từ ngày ký và hủy bỏ tất cả các quy định trước đây về giá điện ngoài lưới phục vụ sản xuất.

Hà-nội, ngày 20 tháng 2 năm 1975

Q. Chủ nhiệm

Ủy ban Vật giá Nhà nước

TÔ DUY

TỔNG CÔNG ĐOÀN VIỆT-NAM

THÔNG TƯ số 10-TT.3 ngày 7-3-1975 hướng dẫn thi hành chế độ nghỉ đẻ đối với nữ công nhân, viên chức công tác ở vùng cao.

Căn cứ vào nhiệm vụ đã được quy định trong nghị định số 31-CP ngày 20-3-1963 của Hội đồng Chính phủ và sau khi thống nhất với Ủy ban Dân tộc, Bộ Lao động, Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Tổng công đoàn Việt-nam ra thông tư hướng dẫn thi hành chế độ nghỉ đẻ đối với nữ công nhân, viên chức công tác ở vùng cao như sau.

I. THỜI GIAN NGHỈ ĐẺ

Về thời gian nghỉ đẻ, điều 14 và điều 15 trong điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm xã hội đã quy định chung là 60 ngày, nếu sinh đôi

được thêm 10 ngày, sinh ba được thêm 20 ngày, nữ công nhân, viên chức làm các nghề đặc biệt nặng nhọc được nghỉ thêm 15 ngày.

Đề chăm lo hơn nữa nữ công nhân, viên chức công tác ở vùng cao, nghị quyết số 109-CP ngày 19-6-1973 của Hội đồng Chính phủ đã quy định nữ cán bộ, công nhân, viên chức thường xuyên công tác ở vùng cao được tăng thêm một tháng nghỉ đẻ so với thời gian quy định chung. Trong điều kiện của ta hiện nay, quy định này nâng mức ưu đãi đối với nữ công nhân, viên chức công tác ở vùng cao, kể cả những nữ công nhân, viên chức này làm các nghề đặc biệt nặng nhọc, có hại sức khỏe, lên tổng số ngày nghỉ đẻ là 90 ngày (kể cả ngày lễ và ngày chủ nhật). Ngoài ra, nếu sinh đôi, sinh ba vẫn được nghỉ thêm như đã quy định.

II. CHI TIẾT THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Việc xác định phạm vi vùng cao phải căn cứ vào quyết định của Ủy ban hành chính tỉnh và từ đó xác định đối tượng được hưởng thời gian nghỉ đẻ 90 ngày. Trường hợp địa phương đã cho thi hành tăng thời gian nghỉ đẻ sau khi nhận được nghị quyết số 109-CP nhưng trước ngày ban hành thông tư này nay không đặt vấn đề truy hoàn tiền trợ cấp nghỉ đẻ đã tăng thêm.

Nữ công nhân, viên chức mới được điều đến công tác ở vùng cao, khi đẻ cũng được nghỉ 90 ngày.

Nữ công nhân, viên chức công tác ở vùng cao, có thai, được điều động hẳn về công tác ở các địa phương khác không phải vùng cao, khi đẻ không được hưởng ưu đãi đối với vùng cao nữa.

Nhận được thông tư này đề nghị các Bộ, các ngành phổ biến trong công nhân, viên chức, và trong quá trình thực hiện, có điểm nào chưa rõ, đề nghị phản ánh cho Tổng Công đoàn Việt-nam đề nghiên cứu giải quyết.

Hà-nội, ngày 7 tháng 3 năm 1975

T. M. Ban thư ký

Tổng công đoàn Việt-nam

Ủy viên thư ký

VŨ ĐỊNH